

Bản án số: 54/2023/HNGĐ-ST

Ngày 18/7/2023

“*V/v Tranh chấp Hôn nhân và gia đình*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ MỸ HÀO – TỈNH HƯNG YÊN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Thế Dương.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Vũ Thu Hiền.

2. Bà Đặng Thị Tuyết Hương.

Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Đăng Toàn - Thư ký của Tòa án nhân dân thị xã Mỹ Hào.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Mỹ Hào tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Phụng - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Mỹ Hào xét xử sơ thẩm công khai vụ án tranh chấp Hôn nhân và gia đình thụ lý số 24/2023/TLST-HNGĐ ngày 11/4/2023 về việc “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 13/6/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 13/2023/QĐST-HNGĐ ngày 30/6/2023, giữa các đương sự:

* ***Nguyên đơn:*** Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1995 (*Vắng mặt*).

Địa chỉ: tổ dân phố V, phường M, thị xã M, tỉnh H.

* ***Bị đơn:*** Anh Nguyễn Văn C, sinh năm 1984 (*Vắng mặt*).

Địa chỉ: tổ dân phố V, phường M, thị xã M, tỉnh H.

* ***Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:***

1. Cháu Nguyễn Văn T1, sinh ngày 31/01/2012 (*Vắng mặt*).

2. Cháu Nguyễn Bảo N, sinh ngày 20/8/2016 (*Vắng mặt*).

Đều có địa chỉ: tổ dân phố V, phường M, thị xã M, tỉnh H.

Người đại diện theo pháp luật cho cháu T1 và cháu N: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn C (*Vắng mặt*).

Đều có địa chỉ: tổ dân phố V, phường M, thị xã M, tỉnh H.

* ***Người làm chứng:*** Ông Nguyễn Đức C, sinh năm 1966 (*Vắng mặt*).

Địa chỉ: tổ dân phố T, phường D, thị xã M, tỉnh H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn C tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Minh Đức, thị xã Mỹ Hào vào ngày 16/12/2013 và đã được cấp Giấy chứng nhận kết hôn. Sau ngày cưới hai vợ chồng về chung sống tại tổ dân phố Vân An, phường Minh Đức. Trong quá trình chung sống vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn vào đầu năm 2014 cho đến nay vợ chồng bất đồng quan điểm sống, cách suy nghĩ về mọi mặt cuộc sống khác nhau, không có tiếng nói chung và không thống nhất trong việc làm ăn xây dựng kinh tế gia đình nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau, anh C thường xuyên đánh chửi chị nên vợ chồng chung sống đến đầu năm 2023 thì chị về nhà mẹ đẻ sống tại tổ dân phố T, phường D, thị xã, tỉnh H không quay trở lại chung sống cùng anh C, vợ chồng sống ly thân nhau từ thời điểm đó. Hai bên gia đình đã nhiều lần hàn gắn mâu thuẫn vợ chồng nhưng tình cảm vẫn không được cải thiện và thực tế vẫn đang sống ly thân nhau. Nay chị xác định cuộc sống không hạnh phúc, tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng không thể hàn gắn và kéo dài nên không thể sống chung. Vì vậy, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh C để các bên ổn định cuộc sống.

Về con chung: Chị và anh C có 02 con chung là cháu Nguyễn Văn T1, sinh ngày 31/01/2012 và cháu Nguyễn Bảo N, sinh ngày 20/8/2016. Hiện tại chị có công việc và thu nhập ổn định tại công ty Panasonic tại khu công nghiệp Thăng Long II thuộc huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên với mức thu nhập trung bình 8.000.000đ/ 1 tháng, anh C làm công việc tự do cũng có thu nhập, đủ điều kiện trang trải cuộc sống và nuôi dạy con cái trưởng thành nên mỗi người nuôi một con là phù hợp, đảm bảo quyền lợi chính đáng cho các cháu. Chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục đối với cháu N, còn anh C nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục đối với cháu T1 đến khi thành niên và hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Về tài sản, nợ, công sức và ruộng nông nghiệp: Chị Nguyễn Thị T tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập họp lệ nhưng anh Nguyễn Văn C đều vắng mặt không có lý do nên Tòa án phải về trực tiếp phối hợp với chính quyền địa phương lấy và ghi lời khai của anh C. Tuy nhiên anh C chỉ trình bày quan điểm nhưng không ký biên bản, anh C trình bày như sau:

Anh C và chị T đăng ký kết hôn tự nguyện tại Ủy ban nhân dân xã Minh Đức, huyện Mỹ Hào (*nay là phường Minh Đức, thị xã Mỹ Hào*) vào năm 2013, đã được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống có những mâu thuẫn cự cãi nhau, bất đồng quan điểm sống, chị T chỉ nghĩ và sống

cho bản thân mình, chị T không muốn sống gò bó mà tự theo ý mình, anh có khuyên bảo nhưng chị T không nghe nên đầu năm 2023 chị T đã tự ý đi về nhà bố mẹ đẻ ở, từ khi đi thì không quay trở lại chung sống lần nào với anh nữa. Nếu chị T quay trở về nhà thì anh vẫn đồng ý còn nếu trường hợp chị T vẫn cương quyết xin ly hôn thì là quyền của chị T và tôi đành phải chấp nhận.

Về con chung: Anh C xác định vợ chồng có 2 con chung như chị T đã trình bày, hiện cả hai cháu đều đang ở với anh. Trường hợp vợ chồng ly hôn thì anh C đồng ý theo nguyện vọng của chị T, nếu chị T không nuôi dưỡng hai cháu thì anh nuôi dưỡng cả hai cháu và tự nguyện không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi các cháu còn nếu chị T tự nguyện thì anh cũng nhất trí. Trường hợp chị T nuôi dưỡng cả hai cháu thì tôi tự nguyện cấp dưỡng tiền nuôi hai cháu với số tiền 3.000.000đ/ 2 cháu/ tháng.

Về tài sản, nợ, công sức, ruộng canh tác anh xác định hai vợ chồng không có và tự nguyện không yêu cầu giải quyết.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Cháu T1 và cháu N là con chung của anh chị trình bày: Nếu trường hợp bố mẹ các cháu không ở được với nhau thì cả hai cháu đều xác định các cháu ở với bố hay ở với mẹ đều được vì cả bố và mẹ đều yêu thương các cháu. Tuy nhiên sau khi các cháu trình bày quan điểm thì anh C không ký vào biên bản nên các cháu cũng không ký vào biên bản làm việc của Toà án.

* Người làm chứng: Ông Nguyễn Đức C (*là bố đẻ*) của chị Nguyễn Thị T trình bày: Trong quá trình chung sống giữa chị T và anh C, chị T có về nói chuyện với ông cuộc sống vợ chồng anh chị đã phát sinh mâu thuẫn, thời điểm mâu thuẫn đã lâu nhưng đến cuối năm 2022 chị T mới nói hết tất cả là vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn từ năm 2014 và thực tế từ đầu năm 2023 chị T đã về nhà ông ở và sống tại tổ dân phố Trại, phường Dị Sử, thị xã Mỹ Hào, từ đó đến nay chị T không về sống cùng anh C nữa, ông có khuyên bảo chị T nhưng chị T kiên quyết không quay về sống cùng anh C nữa, chị T nói với ông là tình cảm vợ chồng không còn, sống không hạnh phúc vì chị T đã cho anh C rất nhiều cơ hội nhưng anh C không thay đổi cách sống, các cư xử nên không thể đoàn tụ. Việc chị T và anh C có ở được với nhau hay không là do anh chị tự quyết định. Nếu chị T cương quyết ly hôn anh C, ông đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật; Vấn đề con chung giữa anh chị như chị T trình bày là đúng, nếu chị T ly hôn và nuôi con thì ông luôn luôn tạo điều kiện cho chị và cháu có nơi ăn chốn ở và hỗ trợ chị chăm sóc cháu; Các vấn đề khác như tài sản, công nợ, công sức và ruộng canh tác của anh chị như thế nào ông không biết, không liên quan gì đến ông nên ông đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã tiến hành mở phiên họp giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhiều lần nhưng anh C đều vắng mặt nên không hòa giải được, do đó phải đưa vụ kiện ra xét xử theo quy định.

Tại phiên tòa hôm nay: Vắng mặt nguyên đơn là chị Nguyễn Thị T và bị đơn anh Nguyễn Văn C, vắng mặt người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là cháu T, cháu N và vắng mặt người làm chứng là ông Nguyễn Đức C.

Bị đơn là anh Nguyễn Văn C đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng đều vắng mặt không có lý do.

Chủ tọa phiên tòa công bố đơn đề nghị giải quyết vắng mặt của nguyên đơn chị Nguyễn Thị T và tóm tắt nội dung khởi kiện của chị T và công bố lời khai của những người tham gia tố tụng vắng mặt tại phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Mỹ Hào phát biểu ý kiến:

- *Về tố tụng:* Tòa án thụ lý vụ án, lấy lời khai, thu thập chứng cứ, thông báo về phiên họp kiểm tra về việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tiến hành mở phiên họp kiểm tra về việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, lập biên bản không tiến hành hòa giải được và đưa vụ án ra xét xử đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử độc lập, Thẩm phán và Thư ký chấp hành đúng quy định của pháp luật.

- *Về nội dung:* Viện kiểm sát đề nghị Tòa án chấp nhận đơn khởi kiện ly hôn của chị Nguyễn Thị T và xử cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Văn C; Về con chung: Giao cháu Nguyễn Văn T1, sinh ngày 31/01/2012 cho anh Nguyễn Văn C nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục đến khi thành niên; Giao cháu Nguyễn Bảo N, sinh ngày 20/8/2016 cho chị Nguyễn Thị T nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục đến khi thành niên. Ghi nhận sự tự nguyện của chị Nguyễn Thị T không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau; Về tài sản, vay nợ, công sức và ruộng nông nghiệp: Không đặt ra giải quyết trong vụ án này.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa và trên cơ sở xem xét khách quan toàn diện các chứng cứ, ý kiến của các đương sự, kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn C tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Minh Đức, huyện Mỹ Hào (*nay là phường Minh Đức, thị xã Mỹ Hào*), tỉnh Hưng Yên năm 2013 và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn là đúng theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình. Nay chị Nguyễn Thị T khởi kiện xin ly hôn với anh Nguyễn Văn C nên đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với bị đơn là anh Nguyễn Văn C có địa chỉ tại tổ dân phố Vân An, phường Minh Đức, thị xã Mỹ Hào nên thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên theo điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, vắng mặt bị đơn anh C; vắng mặt người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan cháu T, cháu N; vắng mặt người làm chứng ông C nhưng đều đã có lời khai đề

ngiht giải quyết, xét xử vắng mặt. Vì vậy, Toà án xét xử vắng mặt tất cả những người này là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Lời trình bày của chị Nguyễn Thị T, anh C, ông C đã thể hiện rõ trong quá trình chung sống giữa anh chị đã phát sinh mâu thuẫn, thời điểm mâu thuẫn căng thẳng từ đầu năm 2023. Về nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, lối sống, suy nghĩ và không thống nhất trong việc làm ăn xây dựng kinh tế gia đình. Thực tế anh chị T và anh C ly thân nhau từ đầu năm 2023 cho đến nay mỗi người sống một nơi không ai còn quan tâm hay chăm sóc nhau nữa. Nay chị Nguyễn Thị T xác định cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, mâu thuẫn đã quá trầm trọng và kéo dài, không thể hàn gắn và chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh C. Đối với anh Nguyễn Văn C không có ý kiến gì để hàn gắn mâu thuẫn vợ chồng, điều đó thể hiện qua việc anh đều vắng mặt các lần Tòa án triệu tập để làm việc, buông xuôi, bỏ mặc cuộc hôn nhân của mình mà không có biện pháp để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Điều đó đã cho thấy tình cảm yêu thương gắn bó giữa anh chị không còn, phản ánh đúng thực trạng hôn nhân của vợ chồng là mâu thuẫn đã trầm trọng, có đầy đủ căn cứ cho ly hôn. Vì vậy, Tòa án sẽ chấp nhận đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị T và giải quyết cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Văn C.

[3] Về con chung: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn C có 02 con chung là cháu Nguyễn Văn T, sinh ngày 31/01/2012 và cháu Nguyễn Bảo N, sinh ngày 20/8/2016. Xét quan điểm của chị Nguyễn Thị T về việc giao cháu thứ hai là Nguyễn Bảo N cho chị nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục đến khi thành niên, còn anh Nguyễn Văn C nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục đối với cháu Nguyễn Văn T, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Hội đồng xét xử, xét thấy: Đối với chị T hiện tại có công việc và thu nhập ổn định tại công ty Panasonic với mức lương trung bình 8.000.000đ/ 1 tháng, còn đối với anh Nguyễn Văn C hiện cũng có công việc lao động tự do và có thu nhập, đủ điều kiện trang trải cuộc sống và nuôi dạy các con, đảm bảo quyền lợi chính đáng cho các cháu; Đối với 02 cháu T và N đều có quan điểm nếu bố mẹ ly hôn thì các cháu ở với ai cũng được, nếu cháu N ở với chị T cũng được sự hỗ trợ chăm sóc của ông ngoại cháu. Nên Cháu T1 ở với anh C và cháu N ở với chị T là phù hợp, đảm bảo quyền lợi chính đáng cho các cháu. Vì vậy, Hội đồng xét xử sẽ giao cháu Nguyễn Bảo N cho chị Nguyễn Thị T nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi thành niên, giao cháu Nguyễn Văn T1 cho anh Nguyễn Văn C nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục đến khi thành niên và ghi nhận sự tự nguyện của chị Nguyễn Thị T là hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

[4] Về tài sản, về nợ, công sức và ruộng nông nghiệp: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn C đều xác định không có, tự nguyện không yêu cầu giải quyết. Vì vậy, không đặt ra để giải quyết trong vụ án này. Nếu sau này anh, chị có căn cứ và yêu cầu sẽ được xem xét, giải quyết bằng một vụ án khác.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

* Căn cứ vào:

- Điều 51; Điều 56; Điều 57; Điều 73; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị T.

Xử cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Nguyễn Văn C.

2. Về con chung: - Giao cháu Nguyễn Bảo N, sinh ngày 20/8/2016 cho chị Nguyễn Thị T nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục đến khi thành niên.

- Giao cháu Nguyễn Văn T1, sinh ngày 31/01/2012 cho anh Nguyễn Văn C nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục đến khi thành niên.

Ghi nhận sự tự nguyện của chị Nguyễn Thị T là hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn C có quyền thăm và chăm sóc con chung, không ai được cản trở anh C và chị T thực hiện quyền này.

Vì lợi ích của con chung, chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn C đều có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung và mức cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn.

3. Về tài sản, vay nợ, công sức và ruộng nông nghiệp: Không đặt ra giải quyết trong vụ án này.

4. Về án phí: Buộc chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí sơ thẩm ly hôn. Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí ly hôn 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) chị T đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0013273 ngày 11/04/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Mỹ Hòa, tỉnh Hưng Yên. Chị Nguyễn Thị T đã nộp xong án phí sơ thẩm ly hôn.

5. Quyền kháng cáo: Ân xử công khai sơ thẩm, Nguyên đơn, Bị đơn và Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- VKSND thị xã Mỹ Hòa;
- Chi cục T.H.A DS thị xã Mỹ Hòa;
- Phòng KTNV và THA - Tòa án tỉnh Hưng Yên;
- Nguyên đơn;
- Bị đơn;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- UBND phường Minh Đức;
- Lưu HS vụ án.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Trương Thế Dương

